

Bản án số: 84/2020/HS - ST  
Ngày: 23-11-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Chu Thị Thu Hương

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Xuân Hợp

Ông Nguyễn Văn Bạ

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Trí và ông Nguyễn Đình Doanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại nhà văn hóa khu dân cư B- T, phường C, thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 100/2020/HSST ngày 08 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 10 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đào Thanh B; Tên gọi khác: Không Sinh năm 1984. Nơi sinh: Y- B; Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, thị trấn N, huyện Y, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông: Đào Duy H và bà: Nguyễn Thị Mi; vợ: Phạm Thị T (Đã ly hôn); Bị cáo có 01 con sinh năm 2005; Tiền sự: Không;

Tiền án có 03 tiền án:

Bản án số: 86/2017/HSST ngày 01/12/2017 của TAND huyện L, tỉnh B xử B 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2017, án phí HSST 200.000 đồng về tội "Trộm cắp tài sản", tổng số tiền chiếm đoạt là 5.700.000 đồng. Ngày 31/5/2018 B chấp hành xong hình phạt tù, ngày 20/3/2018 chấp hành xong án phí HSST.

Bản án số: 35/2019/HSST ngày 06/3/2019 của TAND thành phố B, tỉnh B (xác định B tái phạm) xử B 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2019, án phí HSST 200.000 đồng về tội "Trộm cắp tài sản", tổng số tiền chiếm đoạt là

10.000.000 đồng. Ngày 02/9/2019 B chấp hành xong hình phạt tù, ngày 17/9/2019 chấp hành xong án phí HSST.

Bản án số: 125/2020/HSST ngày 24/9/2020 của TAND huyện Q, tỉnh B xử phạt B 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/5/2020 về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Nhân thân: Ngày 26/10/2005, Chủ tịch UBND tỉnh B ra quyết định áp dụng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Ngày 15/9/2010, bị Công an huyện Y, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức phạt tiền. Bản án số 47 ngày 10/6/2015 của TAND huyện Y, tỉnh B xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội đánh bạc (Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 13.400.000 đồng)

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B trong vụ án khác tại tỉnh B. Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn C; Sinh năm 1992; Nơi ĐKKHKT: Khu Y 2, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn K và con bà: Nguyễn Thị L; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền sự: Không

Tiền án: 01;

Bản án số: 125/2020/HSST ngày 24/9/2020 của TAND huyện Q, tỉnh B xử C 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành quyết định thi hành án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020, đến ngày 14/5/2020 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Đức D; Sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, thị xã Đ, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: Nguyễn Đăng D và con bà Lưu Thị P; Vợ: Nguyễn Thị D(đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2014; Gia đình có năm anh, chị em, bị cáo là con thứ tư;

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/5/2020, đến ngày 15/5/2020 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt.

*Bị hại:*

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh H. Có mặt.

- Anh Hoàng Nghĩa Đ, sinh năm 1971

Địa chỉ: số 135, đường L, khu dân cư số 11, phường P, thành phố C, tỉnh H. Có mặt.

- Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1960

Địa chỉ: số nhà 347, đường L, khu dân cư số 10, phường P, thành phố C, tỉnh H. Có mặt.

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu 3, phường B, thành phố C, tỉnh H. Có mặt.

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu dân cư số 1, phường P, thành phố C, tỉnh H. Có mặt.

- Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh H. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Lương Q, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu dân cư N 2, phường S, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

### *2.3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Ngô Thị H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

### *2.4. Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1967

Địa chỉ: thôn C, xã L, huyện L, tỉnh B. Vắng mặt.

- Anh Cao Văn H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu 1, phường T, thị xã Đ, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường V, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

- Anh Trần Thế P, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu 1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Thanh B, Nguyễn Văn C và Nguyễn Đức D có quen biết nhau từ trước nên trong thời gian từ ngày 15/11/2019 đến ngày 30/3/2020 B rủ C và D cùng đi trộm cắp để lấy tiền tiêu xài. B, C, D đã thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn thành phố C, tỉnh H, cụ thể là:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 19 giờ, ngày 15/11/2019, Đào Thanh B rủ Nguyễn Đức D đi trộm cắp xe mô tô ở thành phố C, tỉnh H; B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha màu trắng không nhớ biển số (xe của B) chở D đi từ thị xã Đ, tỉnh Q, khi đi B mang theo, để ở túi quần 01 bộ vạm phá khóa hình chữ T. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày khi đi đến khu vực Cây xăng Đ thuộc khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, H, B nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu đen-bạc, biển số 34C1-183.37 của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980, ở khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh H để trong Cây xăng, đầu xe quay

vào trong, đuôi xe quay ra đường Quốc lộ 18; thấy không có ai, B nảy sinh ý định lấy chiếc xe, B quay đầu xe lại, đỗ rìa đường quốc lộ 18 theo hướng H đi S, B bảo D đứng ở ngoài cánh giới, B xuống xe trèo qua tường của cây xăng đi vào chỗ để xe, lấy trong túi quần bộ vạm phá khóa, cho vào ổ khóa vặn mở khóa điện rồi đề nổ máy xe đi ra chỗ D đang đứng rồi cả hai đi về nhà ở huyện Y, tỉnh B. B sử dụng chiếc xe trộm cắp được vài ngày rồi bán cho một người không quen biết ở huyện L, tỉnh B được 4.000.000 đồng, B chia cho D 2.000.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28 ngày 13/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C kết luận tại thời điểm tháng 11/2019, chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave alpha, màu sơn Đen-Bạc, biển số 34C1-183.37, có trị giá là 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*).

**Vụ thứ hai:** Khoảng 17 giờ ngày 25/11/2019, Đào Thanh B rủ Nguyễn Đức D đi trộm cắp xe mô tô ở thành phố C, tỉnh H; B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha màu trắng không nhớ biển số (xe của B) chở D. Khi đi B mang theo 01 bộ vạm phá khóa hình chữ T. Khoảng 18 giờ cùng ngày đi đến quán Ốc hầm địa chỉ số 135, đường L thuộc khu dân cư số 11, phường P, thành phố C, tỉnh H đỗ xe trước cửa quán, cạnh chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha, màu trắng-đen-bạc, biển số 34C1-256.37 của ông Hoàng Nghĩa Đ, sinh năm 1971 là chủ quán. D và B vào quán, B thấy chiếc xe mô tô của ông Đ để sơ hở, B nảy sinh ý định lấy chiếc xe, B đi ra chỗ chiếc xe của ông Đ, lấy trong túi quần bộ vạm phá khóa, cho vào ổ khóa vặn mở khóa điện rồi bảo D về, D biết B đã lấy được xe mô tô nên đứng dậy đi ra điều khiển chiếc xe của B còn B điều khiển chiếc xe trộm cắp được, đi về nhà. Sau đó, B sử dụng chiếc xe trộm cắp được vài ngày rồi đem đi bán cho một người không quen biết ở huyện L, tỉnh B được được 6.000.000 đồng, B chia cho D 2.000.000 đồng rồi tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28 ngày 13/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C kết luận tại thời điểm ngày 25/11/2019, chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave alpha, màu sơn Trắng-Đen-Bạc, biển số 34C1-256.37 có trị giá là 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*).

**Vụ thứ ba:** Khoảng 13 giờ ngày 14/01/2020, Đào Thanh B rủ Nguyễn Văn C đi trộm cắp xe mô tô ở thành phố C, tỉnh H. C điều khiển xe mô tô Honda SuperDream, biển số 98B1-322.15 (xe mô tô B mượn của anh Nguyễn Văn M, anh M không biết B mượn xe mô tô để đi trộm cắp tài sản). Khi đi B mang theo ở túi quần 01 bộ vạm phá khóa hình chữ T. Khoảng 13 giờ 50 phút cùng ngày đi đến khu vực quán Phở bò cạnh số nhà 347 đường L thuộc khu dân cư số 10, phường P, thành phố C, tỉnh H để ăn phở thì hết phở, B và C ngồi tại ghế đá trước cửa quán uống nước; B và C phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 34C1-131.97, của ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1960, để trước cửa nhà tại số 347, thấy không có ai B nảy sinh ý định lấy chiếc xe, B bảo C chờ qua một đoạn rồi đỗ lại để Bình lấy xe này, C điều khiển xe đi qua vị trí chiếc xe mô tô trên khoảng 3-4m hướng về B dừng xe lại đứng cạnh giới, B xuống xe đi đến chiếc xe mô tô dùng bộ vạm phá khóa vặn mở khóa điện rồi nổ máy cùng C đi về nhà anh M. B bảo C là chiếc xe trộm cắp được này để B sử dụng và đưa cho C 1.000.000đồng. Sau đó vài ngày, B bán chiếc xe mô tô

trên cho một người không quen biết ở huyện L, tỉnh B được 5.000.000đồng. Bình, Cường đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28 ngày 13/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C kết luận tại thời điểm ngày 14/01/2020, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Dream màu nâu, biển số 34C1-131.97, có trị giá là 14.000.000đồng (*Mười bốn triệu đồng*).

**Vụ thứ tư:** Khoảng 07 giờ ngày 10/02/2020, Đào Thanh B rủ Nguyễn Văn C đi trộm cắp xe mô tô ở thành phố C, tỉnh H. C điều khiển chiếc xe mô tô Exciter màu đỏ-đen không nhớ biển số (xe mô tô của B) chở C đi từ khu vực P thuộc huyện L, tỉnh B, khi đi B mang theo 01 bộ vạm phá khóa hình chữ T để ở túi quần. Đến khoảng 07 giờ 40 phút cùng ngày đi đến khu vực nhà hàng 79 thuộc KDC, phường H, thành phố C, tỉnh H, C và B phát hiện thấy trên vỉa hè rìa Quốc lộ 18 có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu xanh-đen-bạc, biển số 34C1-190.25 của chị Phạm Thị H, sinh năm 1981, trú tại khu 3, phường B, thành phố C thấy không có ai; B nảy sinh ý định lấy chiếc xe, B bảo C đi qua quay lại sang đường rồi dừng lại đổi lái, B điều khiển xe chạy về hướng nhà hàng 79, rẽ vào trước cửa nhà hàng 79 dừng xe quan sát không thấy có ai, B điều khiển xe đi ngược đường qua vị trí chiếc xe mô tô của chị H, khoảng 05 m rồi quay đầu xe đi đến chiếc xe này, dừng song song với xe mô tô của chị H, B xuống xe đi đến chiếc xe, lấy trong túi quần bộ vạm phá khóa cho vào ổ khóa xe của chị H mở khóa điện đề nổ máy, rồi cả hai đi về thị xã Đ, tỉnh Q. Trên đường về cả hai dừng lại kiểm tra cốp xe không thấy có gì, trên yên xe có 01 giá sắt đã han rỉ và 01 cán chổi, thấy không có giá trị nên đã tháo vắt đi, rồi đi đến nhà anh Cao Văn H, sinh năm 1989, trú tại khu 1, phường T, thị xã Đ, tỉnh Q để bán xe cho anh H nhưng anh H không mua. Sau đó B và C bán cho một người thanh niên tên H (không biết nhân thân, lý lịch) được 2.500.000đồng. B chia cho C 1.000.000đồng. B, C đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 14 ngày 19/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C kết luận tại thời điểm ngày 10/02/2020, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu xanh-đen-bạc, biển số 34C1-190.25, có trị giá là 9.700.000đồng (*Chín triệu bảy trăm nghìn đồng*).

**Vụ thứ năm:** Sáng ngày 18/02/2020, Đào Thanh B gọi điện cho Nguyễn Văn C rủ lên địa bàn thành phố C trộm cắp xe mô tô, do bạn C không đi được và bảo B cứ đi trộm cắp về Đ, C sẽ cùng đi bán. Khoảng 13 giờ cùng ngày B rủ Nguyễn Đức D đi trộm cắp xe mô tô ở thành phố C, tỉnh H. B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu xám không nhớ biển số (Xe B mượn nhưng không nhớ là mượn của ai và đã trả) chở D, khi đi B mang theo 01 bộ vạm phá khóa hình chữ T để ở túi quần. Khoảng hơn 13 giờ cùng ngày khi đi đến đường trong ngõ xóm C thuộc khu dân cư H, phường V, thành phố C, tỉnh H thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu xám-đen-bạc, biển số 34C1-198.75 của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1966, trú tại khu dân cư số 1, phường P, thành phố C, tỉnh H để ở rìa đường, thấy không có ai, B nảy sinh ý định lấy chiếc xe trên, B xuống xe tiến lại gần chiếc xe của anh C, D ngồi trên xe Yamaha cảnh giới, B lấy chiếc vạm phá khóa cho vào ổ khóa phá được khóa điện nổ máy đi chiếc xe ô tô trộm cắp được đi trước, D đi sau, trên đường đi

Bình, Duy mở cốp xe trộm cắp được, thấy trong cốp xe có 01 đăng ký xe; sau đó cả hai đi về thị xã Đ, tỉnh Q, B đưa cho D 2.500.000đồng. Như đã thống nhất với C, B cùng C bán chiếc xe trộm cắp trên cho anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985 trú tại khu dân cư Đ, phường V, thành phố C, tỉnh H (Anh V không biết là xe trộm cắp) với giá 6.500.000 đồng, B chia cho C 1.000.000đồng và tiêu sài cá nhân hết. Anh V sử dụng chiếc xe dùng làm phương tiện đi lại, khi biết chiếc xe Vũng mua của B, C là xe trộm cắp, anh V đã giao nộp lại chiếc xe mô tô.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 16 ngày 29/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C kết luận tại thời điểm ngày 18/02/2020, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu xám-đen-bạc biển số 34C1-198.75, có trị giá là 9.036.000 đồng (*Chín triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

**Vụ thứ sáu:** Khoảng 09 giờ ngày 19/02/2020, Đào Thanh B điều khiển chiếc xe mô tô Exciter màu đỏ-đen không nhớ biển số (xe của B), chở Nguyễn Đức D khi đi D có gọi điện cho Nguyễn Văn C rủ cùng đi trộm cắp xe mô tô, do bạn C không đi được và bảo D cứ đi trộm cắp về C sẽ cùng đi bán, khi đi D mang theo 01 bộ vạm phá khóa hình chữ T để ở túi quần. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày B, D đi đến khu vực đường đi phân trại giam số 2 Trại giam H thuộc khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh H, B và D phát hiện chiếc mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu đỏ-đen-bạc, biển số 34R1-0438 của chị Trần Thị Đ, sinh năm 1973, trú tại khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh H dựng ở rìa đường bên phải theo hướng đi, thấy không có ai B, D nảy sinh ý định lấy chiếc xe trên. B điều khiển xe đi qua rồi quay đầu xe lại, đỗ gần chiếc xe của chị Đ, D xuống xe lấy bộ vạm phá khóa cho vào ổ khóa phá được khóa điện, nổ máy cùng B đi ra đầu đường Quốc lộ 18; do có việc nên B điều khiển xe đi về hướng P, D đi xe trộm cắp về hướng Đ. Trên đường về, D gọi điện cho C là đã trộm cắp được xe D cùng C đi bán xe nhưng không bán được. D, C đi xe về nhà C, sau đó C mang chiếc xe trộm cắp được ra Quảng trường thuộc phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Q bán cho một người không quen biết được 3.800.000đồng. C về chia cho B và D mỗi người là 1.500.000đồng và tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28 ngày 13/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C kết luận tại thời điểm ngày 19/02/2020, chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave alpha, màu sơn Đỏ-Đen-Bạc, biển số 34R1-0438, có trị giá là 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*).

**Vụ thứ bảy:** Khoảng 00 giờ ngày 10/3/2020, Đào Thanh B rủ Nguyễn Văn C đi trộm cắp xe mô tô ở thành phố C, tỉnh H. B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu đỏ-đen không nhớ biển số (xe của B), khi đi B mang theo một cặp màu đen bên trong có 01 kim thủy lực màu vàng dài khoảng 40cm; 01 tovít dài khoảng 20cm; 01 lục năng 6 cạnh hình chữ L dài khoảng 7cm và 01 đoạn dây điện. Đến khoảng 00 giờ 20 phút cùng ngày B chở C đi đến khu vực đường khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh H thì B, C phát hiện trước cửa phòng ngủ nhà bà Ngô Thị H, sinh năm 1961 để 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter 135, màu đen-vàng, biển số 34C1-145.20 của chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1993 (Cháu bà H); thấy không có ai B, C nảy sinh ý định lấy chiếc xe trên. B dừng và xuống xe đi bộ vào trong sân nhà bà H (C đứng ngoài cánh giới), vào trong sân thấy xe không khóa cổ, B dong xe ra cổng nơi C đứng rồi cùng C đẩy chiếc xe

mô tô trộm cắp được ra đường quốc lộ 18 rồi dừng lại, C và B tháo ốp đầu xe đầu điện và mở cốp chiếc xe mô tô trộm cắp được thấy trong cốp có 01 chiếc ví nữ sọc kẻ, trắng đen bên trong có để 01 thẻ ATM; 02 chứng minh nhân dân mang tên Ngô Quang K và Nguyễn Thị H, 01 đăng ký của xe mô tô trên, một số giấy tờ khác và 2.500.000đồng. Sau đó nổ máy cùng đi về một quán sửa xe tại chợ Đ, Q đánh lại chìa khóa xe (Trên đường đi B giữ lại số tiền, giấy đăng ký xe mô tô rồi rút chiếc ví cùng các giấy tờ có trong cốp xe đi, B không nhớ địa điểm rút). Đến khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, C và B đi chiếc xe mô tô trộm cắp đến nhà anh Trần Thế P, sinh năm 1987, trú tại khu 1, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q, gặp anh P, B bảo “Cho em cầm chiếc xe”, P kiểm tra xe và giấy tờ, đồng ý đưa 9.000.000đồng cho B, B nhận tiền, để lại xe rồi B chia cho C 4.000.000đồng, còn số tiền 2.500.000 đồng trong cốp xe B chia cho C 1.000.000đồng và tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 10/05/2020 biết chiếc xe là tài sản trộm cắp nên anh P đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố C chiếc xe cùng đăng ký xe.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28 ngày 13/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C kết luận tại thời điểm ngày 10/3/2020, chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, màu đen-vàng, biển số 34C1-145.20, có trị giá là 16.000.000đồng (Mười sáu triệu đồng).

**Vụ thứ tám:** Khoảng 00 giờ ngày 13/3/2020, Đào Thanh B rủ Nguyễn Văn C đi trộm cắp xe mô tô ở thành phố C, tỉnh H. B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu đỏ-đen không nhớ biển số (xe của B), khi đi B mang theo một cặp màu đen bên trong có 01 kim thủy lực màu vàng dài khoảng 40cm; 01 товit dài khoảng 20cm; 01 lục năng 6 cạnh hình chữ L dài khoảng 7cm và 01 đoạn dây điện. Đến khoảng 00 giờ 10 phút cùng ngày B chở C đi đến cổng nhà anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1973, trú tại khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh H; B phát hiện tại sân nhà anh T có để chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i, màu đen, biển số 34C1-390.20; B và C quan sát thấy cổng khóa bằng khóa, trong sân không có người nên B, C nảy sinh ý định lấy chiếc xe trên. B lấy kim thủy lực trong cặp ra, C giữ khóa, B cắt được khóa cổng, C ở ngoài cảnh giới, B mở cổng đi đến chiếc xe thấy xe có khóa chữ U ở bánh trước. B dùng kim thủy lực cắt được chiếc khóa rồi dong chiếc xe ra cổng, rút 02 chiếc khóa vừa bị cắt tại rìa cổng. Sau đó B đổi xe cho C, C ngồi lên chiếc xe trộm cắp được, B điều khiển xe của mình dùng chân đẩy xe C đi về nhà C để. C và B tháo mặt lạ của xe rồi lấy IC (chíp mã khóa điện) của xe mang ra quán đánh lại chìa khóa. B, C mở cốp xe trộm cắp phát hiện trong cốp xe có 01 đăng ký xe, 01 chứng minh nhân dân, 02 thẻ ngân hàng đều mang tên anh T và một số giấy tờ khác. Khoảng 03 ngày sau, C có gọi điện cho anh Cao Văn H, sinh năm 1989; trú tại Khu 1, phường T, thị xã Đ, tỉnh Q gạ bán xe trộm cắp được cho anh H. C nói dối là xe của người quen nhờ bán hộ, xe có giấy tờ. Khi gặp nhau, anh H xem xe, đăng ký xe và mua xe với giá 29.000.000đồng. Bán được xe, C về chia cho B 15.000.000đồng và tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 10/05/2020 biết chiếc xe là tài sản trộm cắp nên anh H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố C chiếc xe cùng đăng ký xe.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28 ngày 13/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C kết luận, tại thời điểm ngày 13/3/2020: Chiếc khóa treo

nhãn hiệu Việt Tiệp, bằng kim loại, màu sáng bạc, có trị giá là 60.000đồng; chiếc khóa chữ U có trị giá là 80.000đồng; chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe SH 125I, màu đen, biển số 34C1-390.20, có trị giá là 68.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 68.140.000đồng (*Sáu mươi tám triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*).

**Vụ thứ chín:** Khoảng 00 giờ ngày 30/3/2020, Đào Thanh B rủ Nguyễn Văn C đi trộm cắp xe mô tô ở thành phố C, tỉnh H. B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu đỏ-đen không nhớ biển số (xe của B), khi đi B mang theo một cặp màu đen bên trong có 01 kim thủy lực màu vàng dài khoảng 40cm; 01 товit dài khoảng 20cm; 01 lục năng 6 cạnh hình chữ L dài khoảng 7cm và 01 đoạn dây điện. Đến khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày B chở C đi đến đường khu vực bờ hồ Quảng trường hồ M, thuộc địa phận phường S, thành phố C, tỉnh H thì phát hiện tại sân nhà anh Nguyễn Lương Q, sinh năm 1971, ở khu dân cư N 2, phường S có để chiếc xe nhãn hiệu Piagio Vespa màu vàng, biển số 34C1-002.16 của gia đình anh Q, thấy không có ai nên B và C nảy sinh ý định lấy chiếc xe trên. B đẩy xe đi bộ đến Cổng nhà anh Q, thấy cổng khóa, B lấy kim thủy lực, C giữ khóa để B dùng kim cắt khóa, B vớt khóa và then cửa ở khu vực cổng, C cắt kim vào cặp rồi đi ra chỗ xe đứng canh giới. B vào sân dùng chiếc xe Vespa ra và đổi xe cho C, B điều khiển xe của mình, dùng chân đẩy chiếc xe trộm cắp được, để C điều khiển ngồi trên đi về nhà C. Sáng ngày 31/3/2020 B mang chiếc xe đi sửa khóa rồi B đi xe trộm cắp được về huyện L, tỉnh B bán cho một người không quen biết được 6.000.000 đồng, B chia cho C 3.000.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 19/5/2020 Công an xã T, huyện L, tỉnh B phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piagio Vespa màu vàng, biển số 34C1-002.16 để ở rìa đường liên thôn B thuộc xã T, Công an xã đã bàn giao chiếc xe trên cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28 ngày 13/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C kết luận, tại thời điểm ngày 30/3/2020: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO, loại xe Vespa 125, màu Vàng, biển số 34C1-002.16, có trị giá là 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*); Chiếc khóa treo nhãn hiệu Việt Tiệp, bằng kim loại, màu sáng bạc, có trị giá là 60.000 đồng (*Sáu mươi nghìn đồng*); then chốt cổng bằng kim loại, có trị giá là 60.000 đồng (*Sáu mươi nghìn đồng*).

Tại Cáo trạng số 75/CT-VKSCL ngày 28/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh H đã truy tố Đào Thanh B về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn C về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Đức D về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

*Tại phiên tòa:*

Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án: Tuyên bố các bị cáo Đào Thanh B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.



Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 56, Điều 58, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Đào Thanh Bình;

Xử phạt bị cáo Đào Thanh B từ 6 năm 3 tháng đến 6 năm 9 tháng tù. Tổng hợp với 48 tháng tù của bản án số 125/2020/HSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B. Buộc bị cáo Đào Thanh B phải chấp hành chung hình phạt 02 bản án là 10 năm 3 tháng đến 10 năm 9 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/5/2020.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn Cường;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 5 năm 6 tháng đến 5 năm 9 tháng tù. Tổng hợp với 16 tháng tù của bản án số 125/2020/HSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B. Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chấp hành chung hình phạt 02 bản án là 6 năm 10 tháng đến 7 năm 1 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 07/5/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đức D.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D từ 30 đến 33 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 8/5/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo:

Bị cáo Bình và bị cáo D phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn H 11.000.000đồng, bồi thường cho anh Hoàng Nghĩa Đ 14.000.000đồng. Chia theo phần bị cáo B phải bồi thường cho anh H 5.500.000đồng, bồi thường cho anh Đ 7.000.000đồng; Bị cáo D phải bồi thường cho anh H 5.500.000đồng, bồi thường cho anh Đ 7.000.000đồng.

Bị cáo B và bị cáo C phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn U 14.000.000đồng, chị Phạm Thị H 9.700.000đồng, chị Nguyễn Thị H 2.500.000đồng, anh Nguyễn Quang T 140.000đồng, anh Nguyễn Lương Q 120.000đồng. Chia theo kỷ phần bị cáo B phải bồi thường cho anh U 7.000.000đồng, bồi thường cho chị H 4.850.000đồng, bồi thường cho chị H 1.250.000đồng, bồi thường cho anh T 70.000đồng, bồi thường cho anh Q 60.000đồng; bị cáo C phải bồi thường cho anh U 7.000.000đồng, bồi thường cho chị H 4.850.000đồng, bồi thường cho chị H 1.250.000đồng, bồi thường cho anh T 70.000đồng, bồi thường cho anh Q 60.000đồng.

Bị cáo B, D, C liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Đ 6.000.000đồng, chia theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Đ 2.000.000đồng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu và hủy bỏ: 01 chiếc khóa treo nhãn hiệu Việt Tiệp, bằng kim loại, màu sáng bạc, ổ khóa có kích thước (7,6x2x4,8) cm, tai khóa có đường kính 0,7cm, phần móc khóa bị cắt; 01 chiếc khóa treo nhãn hiệu Việt Tiệp, bằng kim loại, màu sáng bạc, ổ khóa có kích thước (6x2x4,5)cm, tai khóa có đường kính 0,7cm, phần móc khóa bị cắt; 01 chiếc khóa chữ U, bằng kim loại, màu sáng bạc, đai khóa dài 20cm, đường kính 3cm, tai khóa có đường kính 1,5cm, trên tai khóa có một vết cắt rời.

Truy thu số tiền 2.500.000 đồng tiền B bán 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu đỏ- đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave alpha, màu trắng là xe của Bình dùng vào việc phạm tội. Đối với chiếc mô tô nhãn hiệu Honda SuperDream, biển kiểm soát 98B1-322.15, B mượn của anh Nguyễn Văn M (anh M không biết B mượn xe để trộm cắp tài sản) B đã trả lại cho anh M, nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố C không thu giữ;

Đối với: 02 bộ vạm phá khóa bằng kim loại có đặc điểm tay công hình chữ T dài khoảng 10cm, dán băng dính màu đen; đầu vạm dài khoảng 5 cm, một đầu nhọn, một đầu 6 cạnh (lục giác); 01 điện thoại loại Xiaomi, xuất xứ Trung Quốc, màu đen, màn hình cảm ứng, trong gấn sim và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1202, màu đen, trong gấn sim, đều không rõ số thuê bao. Là Công cụ, phương tiện các bị can sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, Cơ quan CSĐT Công an thành phố C đã tiến hành truy tìm nhưng chưa thu hồi được.

Đối với: 01 chiếc túi màu đen bên trong có: 01 kim thủy lực màu vàng, 01 chiếc tô vít, 01 lục lăng, một số đoạn dây điện của B sử dụng để cùng các đồng phạm trộm cắp tài sản tại địa bàn thành phố C trên; B và các đồng phạm còn sử dụng bộ dụng cụ này thực hiện hành vi phạm tội tại địa bàn huyện Q, tỉnh B, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện Q, tỉnh B đã thu giữ và quản lý trong vụ án khác.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Ch, Điều tra viên, VKSND thành phố C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Đào Thanh B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp

với lời khai bị hại, người làm chứng, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 15/11/2019 đến ngày 30/3/2020, Đào Thanh B và các đồng phạm đã thực hiện 09 hành vi “*Trộm cắp tài sản*” trên địa bàn thành phố C, tỉnh Hải D, cụ thể:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/11/2019, tại khu vực Cây xăng Đ thuộc khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, H, Đào Thanh B, Nguyễn Đức D lợi dụng sơ hở có hành vi trộm cắp của anh Nguyễn Văn H chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu sơn Đen-Bạc, biển số 34C1-183.37, có trị giá là 11.000.000đồng (*Mười một triệu đồng*);

Khoảng 18 giờ ngày 25/11/2019, tại trước cửa quán Ốc hầm của ông Hoàng Nghĩa Đ thuộc số 135, đường L, khu dân cư số 11, phường P, thành phố C, tỉnh H, Đào Thanh B, Nguyễn Đức D lợi dụng sơ hở có hành vi trộm cắp của ông Đạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu sơn Trắng-Đen-Bạc, biển số 34C1-256.37 có trị giá là 14.000.000đồng (*Mười bốn triệu đồng*);

Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 14/01/2020, tại trước cửa nhà ông Nguyễn Văn U ở số nhà 347 thuộc đường L, khu dân cư số 10, phường P, thành phố C, tỉnh H, Đào Thanh B, Nguyễn Văn C lợi dụng sơ hở có hành vi trộm cắp của ông U chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Dream màu nâu, biển số 34C1-131.97, có trị giá là 14.000.000đồng (*Mười bốn triệu đồng*);

Khoảng 07 giờ 40 phút ngày 10/02/2020, tại vỉa hè Quốc lộ 18 gần khu vực nhà hàng 79 thuộc khu dân cư T, phường H, thành phố C, tỉnh H, Đào Thanh B, Nguyễn Văn C lợi dụng sơ hở đã có hành vi trộm cắp của chị Phạm Thị H chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu xanh-đen-bạc, biển số 34C1-190.25, có trị giá là 9.700.000đồng (*Chín triệu bảy trăm nghìn đồng*);

Khoảng 13 giờ ngày 18/02/2020, tại đường xóm C, khu dân cư H, phường V, thành phố C, tỉnh H, Đào Thanh B, Nguyễn Đức D (trước đó có rủ Nguyễn Văn C đi trộm cắp xe mô tô, do C bận nên không đi được và thống nhất với B, D cứ đi trộm cắp được rồi về địa bàn thị xã Đ, tỉnh Q cùng đi bán) lợi dụng sơ hở có hành vi trộm cắp của anh Nguyễn Văn C chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu xám-đen-bạc biển số 34C1-198.75, có trị giá là 9.036.000đồng (*Chín triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng*);

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19/02/2020, tại rìa đường đi phân trại giam số 2, Trại giam H thuộc khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh H, Đào Thanh B, Nguyễn Đức D (Khi đi có rủ Nguyễn Văn C đi trộm cắp xe mô tô, do C bận nên không đi được và thống nhất với B, D đi trộm cắp được rồi về địa bàn thị xã Đ, tỉnh Q cùng đi bán) lợi dụng sơ hở có hành vi trộm cắp của chị Trần Thị Đ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu sơn Đỏ-Đen-Bạc, biển số 34R1- 0438, có trị giá là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*);

Khoảng 00 giờ 20 phút ngày 10/3/2020, tại trước cửa phòng ngủ nhà bà Ngô Thị H trú tại khu dân cư T, phường V, thành phố C, H, Đào Thanh B, Nguyễn Văn C lợi dụng sơ hở đã có hành vi trộm cắp của chị Nguyễn Thị H chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen-vàng, biển số 34C1-

145.20, có trị giá là 16.000.000đồng, bên trong cốp xe có 01 chiếc ví nữ sọc kẻ trắng-đen trong ví có: 01 thẻ ATM của ngân hàng MB; 02 CMTND mang tên anh Ngô Quang K, chị H, 01 đăng ký của xe mô tô trên, một số giấy tờ khác và 2.500.000 đồng. Tổng trị giá tiền và tài sản là 18.500.000đồng (*Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng*);

Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 13/3/2020, tại sân nhà anh Nguyễn Quang T trú tại khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh H, Đào Thanh B, Nguyễn Văn C lợi dụng sơ hở đã có hành vi trộm cắp của anh T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH 125I, biển số 34C1-390.20, có trị giá là 68.000.000đồng (*Sáu mươi tám triệu đồng*);

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/3/2020, tại sân nhà anh Nguyễn Lương Q trú tại khu dân cư N 2, phường S, thành phố C, tỉnh H, Đào Thanh B, Nguyễn Văn C lợi dụng sơ hở đã có hành vi trộm cắp của gia đình anh Q chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio, loại xe Vespa 125, màu Vàng, biển số 34C1-002.16, có trị giá là 14.000.000đồng (*Mười bốn triệu đồng*).

Tổng giá trị tài sản mà Đào Thanh B và các đồng phạm đã trộm cắp là: 164.496.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Trong đó: Đào Thanh B thực hiện 09 hành vi, chiếm đoạt 164.496.000 đồng; Nguyễn Văn C thực hiện 07 hành vi chiếm đoạt 139.236.260đồng, Nguyễn Đức D thực hiện 04 hành vi chiếm đoạt 40.036.000đồng.

Từ ngày 15/11/2019 đến ngày 30/3/2020, B đã có hành vi phạm tội 09 lần về cùng một tội phạm và lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 164.496.000đồng; đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của Nguyễn Văn C, trong thời gian từ ngày 15/11/2019 đến ngày 30/3/2020 C đã cố ý phạm tội 07 lần về cùng một tội phạm và lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 139.236.260 đồng nên đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Hành vi của Nguyễn Đức D đã cố ý phạm tội 04 lần, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 40.036.000đồng nên phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Vì vậy có đủ căn cứ xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố các bị cáo Đào Thanh B về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn C về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Đức D về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của cá nhân, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và bất bình trong xã hội. Bị cáo B, C, D đã lợi dụng thời điểm đêm tối, rạng sáng hay khi chủ sở hữu không chú ý quản lý tài sản, rồi thực hiện hành vi dùng vạm phá khóa phá ổ khóa xe máy nhằm mục đích chiếm đoạt bằng được tài sản. Các bị cáo có đủ

năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện hành vi nhằm hưởng lợi ích vật chất. Trong vụ án, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm, có người đề xướng, rủ rê, xúi giục, có người thực hành tích cực, có sự chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội. Hành vi của bị cáo này động viên khuyến khích bị cáo khác phạm tội.

Đối với mỗi bị cáo phạm tội ở mức độ khác nhau, Hội đồng xét xử có đánh giá từng bị cáo cụ thể là:

Bị cáo Đào Thanh B là người đề xuất, rủ rê và cũng là người thực hiện tội phạm tích cực từ chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội đến khi thực hiện hành vi phạm tội. B trực tiếp tham gia 9 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố C, tài sản chiếm đoạt được do B quản lý, tiêu thụ, phân chia. Do vậy, bị cáo B giữ vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo C, D khi được B đề xuất cũng tích cực thực hiện hành vi phạm tội, được hưởng lợi từ những vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo C tham gia 7 vụ trộm cắp tài sản cùng với bị cáo B. Đối với hành vi vào ngày 18/2/2020 và ngày 19/2/2020, khi được B và D rủ đi trộm cắp tài sản, bị cáo C bận không đi nhưng bảo B và D cứ đi trộm cắp về thì C cùng đi bán. Hành vi của C đã kích động, dụ dỗ, thúc đẩy B và D thực hiện tội phạm. Bị cáo C cũng đã được hưởng lợi từ hai vụ trộm cắp trên nên phải cùng chịu trách nhiệm hình sự và liên đới bồi thường cho bị hại. Vì vậy, bị cáo C giữ vai trò thứ 2 trong vụ án. Bị cáo D tham gia 4 vụ trộm cắp tài sản cùng với B, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 19/2/2020 và gọi điện rủ rê bị cáo C cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ 3 trong vụ án.

Khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét tới các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ như sau: Các bị cáo đều tham gia từ 02 vụ án trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo B có bố đẻ là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo C tự nguyện ra cơ quan Công an thành phố C đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có mẹ đẻ là người có công với cách mạng, được Hội đồng Chính phủ tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo phạm tội nhiều lần, xâm hại trực tiếp tài sản hợp pháp của cá nhân, chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, có sự chuẩn bị kỹ càng như vạm phá khóa,

kìm thủy lực, tô vít, dây điện. Ngoài việc thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo B, C, D thực hiện hành vi phạm tội tại huyện Q, tỉnh B và huyện L, tỉnh B. Do vậy cần phải xử phạt nghiêm các bị cáo, cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do xe máy của những người bị hại đã bị các bị cáo bán chỉ tiêu cá nhân hết, hiện không thu hồi được, bị hại anh Nguyễn Văn H, anh Hoàng Nghĩa Đ, anh Nguyễn Văn U, chị Phạm Thị H, chị Trần Thị Đ yêu cầu các bị cáo Đào Thanh B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức D phải bồi thường số tài sản đã mất là phù hợp quy định theo các Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần được chấp nhận. Nay xác định thiệt hại của anh Nguyễn Văn H là 11.000.000đồng, anh Hoàng Nghĩa Đ là 14.000.000đồng, anh Nguyễn Văn U là 14.000.000đồng, chị Nguyễn Thị H là 9.700.000đồng, chị Trần Thị Đ là 6.000.000đồng. Bị hại: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo B, C bồi thường số tiền 2.500.000 đồng tiền mặt; anh Nguyễn Lương Q yêu cầu bị cáo Bình, C bồi thường số tiền 120.000 đồng giá trị chiếc khóa và then chốt cổng bị cắt hỏng; anh Nguyễn Quang T yêu cầu bị cáo B, C bồi thường số tiền 140.000 đồng giá trị 02 chiếc khóa bị cắt hỏng. Ngoài ra, các bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nào khác.

Bị cáo B và bị cáo D phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn H 11.000.000đồng, bồi thường cho anh Hoàng Nghĩa Đ 14.000.000đồng. Chia theo phần bị cáo B phải bồi thường trả anh H 5.500.000đồng, trả anh Đ 7.000.000đồng; Bị cáo D phải bồi thường trả anh H 5.500.000đồng, bồi thường trả anh Đ 7.000.000đồng.

Bị cáo B và bị cáo C phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn U 14.000.000đồng, bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 9.700.000đồng, bồi thường cho chị Nguyễn Thị H2 2.500.000đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Quang T 140.000đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Lương Q 120.000đồng. Chia theo kỷ phần bị cáo B phải bồi thường trả anh U 7.000.000đồng, bồi thường trả chị H 4.850.000đồng, bồi thường trả chị H2 1.250.000đồng, bồi thường trả anh T 70.000đồng, bồi thường trả anh Q 60.000đồng; bị cáo C phải bồi thường trả anh U 7.000.000đồng, bồi thường trả chị H 4.850.000đồng, bồi thường trả chị H2 1.250.000đồng, bồi thường trả anh T 70.000đồng, bồi thường trả anh Q 60.000đồng.

Bị cáo B, D, C liên đới bồi thường trả chị Trần Thị Đ 6.000.000đồng, chia theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường trả chị Đ 2.000.000đồng.

Còn anh Nguyễn Văn V, anh Trần Thế P, anh Cao Văn H không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã mua xe mô tô nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là không có thu nhập và tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố C đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH 125i, màu đen, biển số 34C1-

390.20 của anh Cao Văn H và đã trả lại cho anh Nguyễn Quang T là chủ sở hữu; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave alpha, màu Xám-Đen-Bạc, biển số 34C1-198.75 của anh Nguyễn Văn V và đã trả lại cho anh Nguyễn Văn C là chủ sở hữu; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, màu Vàng-Đen, biển số 34C1-145.20 của anh Trần Thế P và đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H là chủ sở hữu; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO Vespa, màu Vàng, biển số 34C1-002.16 do chính quyền địa phương xã T, huyện L, tỉnh B bàn giao và đã trả lại cho anh Nguyễn Lương Q là chủ sở hữu. Anh T, anh C, chị H, anh Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về xe mô tô.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố C đã tiếp nhận từ anh Nguyễn Lương Q 01 chiếc khóa treo nhãn hiệu Việt Tiệp, bằng kim loại, màu sáng bạc, ổ khóa có kích thước (7,6x2x4,8) cm, tai khóa có đường kính 0,7cm, phần móc khóa bị cắt; từ anh Nguyễn Quang T 01 chiếc khóa treo nhãn hiệu Việt Tiệp, bằng kim loại, màu sáng bạc, ổ khóa có kích thước (6x2x4,5)cm, tai khóa có đường kính 0,7cm, phần móc khóa bị cắt; 01 chiếc khóa chữ U, bằng kim loại, màu sáng bạc, đai khóa dài 20cm, đường kính 3cm, tai khóa có đường kính 1,5cm, trên tai khóa có một vết cắt ròi. Hiện các vật chứng không còn giá trị sử dụng và không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy là phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu đỏ- đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave alpha, màu trắng là xe của B, B đã bán 02 chiếc xe trên ở khu vực thành phố B được 1.500.000 đồng và 1.000.000 đồng cho người không quen biết, hiện không thu hồi được. Đây là công cụ phương tiện bị cáo B dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Do vậy, cần truy thu số tiền 2.500.000đồng từ bị cáo B là phù hợp với quy tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS.

Đối với chiếc mô tô nhãn hiệu Honda SuperDream, biển kiểm soát 98B1-322.15, Bình mượn của anh Nguyễn Văn M (anh M không biết B mượn xe để trộm cắp tài sản) B đã trả lại cho anh M, nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố C không thu giữ.

Đối với: 02 bộ vạm phá khóa bằng kim loại có đặc điểm tay công hình chữ T dài khoảng 10cm, dán băng dính màu đen; đầu vạm dài khoảng 5 cm, một đầu nhọn, một đầu 6 cạnh (lục giác); 01 điện thoại loại Xiaomi, xuất xứ Trung Quốc, màu đen, màn hình cảm ứng, trong gấn sim và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1202, màu đen, trong gấn sim, đều không rõ số thuê bao. Là Công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, Cơ quan CSĐT Công an thành phố C đã tiến hành truy tìm nhưng chưa thu hồi được nên không đặt ra xem xét, xử lý.

Đối với: 01 chiếc túi màu đen bên trong có: 01 kim thủy lực màu vàng, 01 chiếc tô vít, 01 lục lăng, một số đoạn dây điện của B sử dụng để cùng các đồng phạm trộm cắp tài sản tại địa bàn thành phố C trên; B và các đồng phạm còn sử dụng bộ dụng cụ này thực hiện hành vi phạm tội tại địa bàn huyện Q, tỉnh B, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện Q, tỉnh B đã thu giữ và quản lý trong vụ án khác nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[7] Đối với anh Cao Văn H, mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH 125I, màu đen, biển số 34C1-390.20 của C; anh Nguyễn Văn V mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu xám-đen-bạc, biển số 34C1-198.75 của B, C và anh Trần Thế P nhận chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, màu đen-vàng, biển số 34C1-145.20 của B, C để làm tin và cho vay số tiền 9.000.000 đồng. Anh H, anh V, anh P không biết xe mô tô trên là phạm tội mà có, nên không xem xét xử lý.

Đối với người thanh niên tên H (không rõ nhân thân, lý lịch) mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu xanh-đen-bạc, biển số 34C1-190.25 do B và C trộm cắp; do đó chưa xác định được người mua xe của B, C nên tiếp tục xác minh, làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Văn M cho B mượn xe mô tô, anh M không biết B mượn xe để đi trộm cắp tài sản nên không đặt ra xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo Đào Thanh B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức D có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại nên các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền thực hiện nghĩa vụ bồi thường.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Đào Thanh B;

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn C;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đức D.

Tuyên bố các bị cáo Đào Thanh B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đào Thanh B 6 năm 9 tháng tù. Tổng hợp với 48 tháng tù của bản án số 125/2020/HSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B. Buộc bị cáo Đào Thanh B phải chấp hành chung hình phạt 02 bản án là 10 năm 9 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/5/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 5 năm 9 tháng tù. Tổng hợp với 16 tháng tù của bản án số 125/2020/HSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B. Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chấp hành chung hình phạt 02 bản án là 7 năm 1 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 07/5/2020.



Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 08/5/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo:

Bị cáo Bình và bị cáo D phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn H 11.000.000đồng, bồi thường cho anh Hoàng Nghĩa Đ 14.000.000đồng. Chia theo phần bị cáo B phải bồi thường trả anh H 5.500.000đồng, bồi thường trả anh Đ 7.000.000đồng; Bị cáo D phải bồi thường trả anh H 5.500.000đồng, bồi thường trả anh Đ 7.000.000đồng.

Bị cáo B và bị cáo C phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn U 14.000.000đồng, bồi thường cho chị Phạm Thị H 9.700.000đồng, bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 2.500.000đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Quang T 140.000đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Lương Q 120.000đồng. Chia theo phần bị cáo B phải bồi thường trả anh U 7.000.000đồng, bồi thường trả chị H 4.850.000đồng, bồi thường trả chị H2 1.250.000đồng, bồi thường trả anh T 70.000đồng, bồi thường trả anh Q 60.000đồng; bị cáo C phải bồi thường trả anh U 7.000.000đồng, bồi thường trả chị H 4.850.000đồng, bồi thường trả chị H2 1.250.000đồng, bồi thường trả anh T 70.000đồng, bồi thường trả anh Q 60.000đồng.

Bị cáo B, D, C liên đới trả chị Trần Thị Đ 6.000.000đồng, chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường trả chị Đ 2.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại Điều 468 BLDS.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS. Truy thu số tiền 2.500.000đồng từ bị cáo Đào Thanh B.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu và hủy bỏ: 01 chiếc khóa treo nhãn hiệu Việt Tiệp, bằng kim loại, màu sáng bạc, ổ khóa có kích thước (7,6x2x4,8) cm, tai khóa có đường kính 0,7cm, phần móc khóa bị cắt; 01 chiếc khóa treo nhãn hiệu Việt Tiệp, bằng kim loại, màu sáng bạc, ổ khóa có kích thước (6x2x4,5)cm, tai khóa có đường kính 0,7cm, phần móc khóa bị cắt; 01 chiếc khóa chữ U, bằng kim loại, màu sáng

bạc, đai khóa dài 20cm, đường kính 3cm, tai khóa có đường kính 1,5cm, trên tai khóa có một vết cắt rời.

*(Tình trạng cụ thể của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT- Công an thành phố C và Chi cục THADS thành phố C ngày 28/8/2020).*

5. Về án phí: khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đào Thanh B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đào Thanh B phải nộp 1.386.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 761.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Đức D phải nộp 725.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh Hải D;
- Công an thành phố C;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hương**